

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2022/KDTM-ST

Ngày 18/5/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Hồng**
- Các Hội thẩm nhân dân:
 - 1/ Ông Quách Đình Hoàng.
 - 2/ Bà Nguyễn Thị Bắc.
- T ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Nhớ** – T ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.
- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa: Bà **Cao Thảo Nga**.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 101/2021/TLST-KDTM ngày 24/11/2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2022/QĐST- KDTM ngày 27 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ trụ sở: 35 Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức T. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Việt A – Trưởng phòng KHCN1; bà Nguyễn Thị Ngọc L- Chuyên viên P.KHCN1 - Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển chi nhánh Nam Gia Lai.

Địa chỉ chi nhánh: 117 Trần Phú, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Theo văn bản ủy quyền số: 1613/QĐ-BIDV.NGL ngày 11 tháng 11 năm 2021.

Ông A, bà L có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trường S.

Địa chỉ: Tổ 3, phường Thắng L, TP. P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị Hồng T.

Địa chỉ: Tổ 3, phường Thắng L, TP. P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/11/2021, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Nam Gia Lai và ông Nguyễn Trường S đã ký Hợp đồng hạn mức số: 01/2019/12442943/HĐTD ngày 23/05/2019 và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số: 01/2019/12442943/HĐTD ngày 23/05/2019.

Căn cứ vào Hợp đồng hạn mức trên thì hai bên đã ký các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01.1/2019/12442943/HĐTD ngày 23/05/2019 (sau đây viết tắt là Hợp đồng tín dụng số 01/2019), ông S vay số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 9,5%/năm, lãi quá hạn 150%, thời hạn vay 9 tháng, trả lãi: tối đa 3 tháng một lần, trả gốc: cuối kỳ, mục đích vay: kinh doanh nông sản.

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 02.1/2019/12442943/HĐTD ngày 24/05/2019 (sau đây viết tắt là Hợp đồng tín dụng số 02/2019), ông S vay số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 9,5%/năm, lãi quá hạn 150%, thời hạn vay 9 tháng, trả lãi: tối đa 3 tháng một lần, trả gốc: cuối kỳ, mục đích vay: kinh doanh nông sản.

- Căn cứ vào Hợp đồng hạn mức thấu chi trên thì hai bên đã ký hợp đồng tín dụng số: 01.1/2019/12442943/HĐTD ngày 23/05/2019 (sau đây viết tắt là Hợp đồng tín dụng thấu chi số: 01/2019), ông S vay số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 8,5%/năm, lãi quá hạn 150%, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: Phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Số dư nợ hiện tại là 999.400.000 đồng.

Các hợp đồng tín dụng trên đã được công chứng theo quy định của pháp luật. Tổng số tiền vay của 03 hợp đồng là: 2.999.400.000 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 01/2019: Ông S chưa trả nợ gốc, đã trả nợ tiền lãi là 57.232.877 đồng. Ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nghĩa vụ trả nợ lãi vào ngày 23/02/2020.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 02/2019: Ông S chưa trả nợ gốc, đã trả nợ tiền lãi là 56.972.603 đồng. Ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nghĩa vụ trả nợ lãi vào ngày 24/02/2020.

Đối với Hợp đồng tín dụng thấu chi số 01/2019. Ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nghĩa vụ trả nợ lãi vào ngày 23/02/2020.

Tính đến ngày 18/5/2022 ông Nguyễn Trường S còn nợ tổng số tiền là: 4.053.570.492 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 2.999.400.000 đồng, nợ lãi trong hạn 61.709.901 đồng, lãi quá hạn 992.460.591 đồng.

Để bảo đảm cho các khoản vay nói trên, ông Nguyễn Trường S và bà Võ Thị Hồng T đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2019/12442943/HĐBĐ ngày 22/5/2019.

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 204 (số 60C cũ), tờ bản đồ 19 (cũ 21), diện tích 741,3m², (đất ở 80m², đất nông nghiệp 661,3m²), tại tổ 3, phường Thắng Lợi, thành phố Pleiku, tỉnh Gia, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 907529 do Ủy ban Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai cấp ngày 25/3/2005. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Mặc dù Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Nam Gia Lai đã nhiều lần yêu cầu ông S đến làm việc để thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không đạt kết quả.

Nay Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu ông Nguyễn Trường S phải trả nợ tính đến ngày 18/5/2022 số tiền **tổng số tiền là: 4.053.570.492 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 2.999.400.000 đồng, nợ lãi trong hạn 61.709.901 đồng, lãi quá hạn 992.460.591 đồng và lãi** phát sinh theo theo hợp đồng tín dụng đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Trường S không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên để thu hồi nợ.

*** Bị đơn là ông Nguyễn Trường S và người có quyền nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Hồng T:** Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để ông S và bà T đến Tòa làm việc, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nhưng ông S, bà T vẫn không đến Tòa nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai:

- Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Nguyên đơn đã đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho việc bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, nợ lãi, đồng thời nguyên đơn cũng chứng minh việc ký kết hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp là hợp pháp nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP Đ có đơn yêu cầu tòa án giải quyết “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” với ông Nguyễn Trường S có địa chỉ: Tổ 3, phường Thắng Lợi, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai. Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn là ông Nguyễn Trường S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Hồng T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Xét các Hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Nam Gia Lai với ông Nguyễn Trường S được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông S phải trả số nợ gốc và lãi của các Hợp đồng tín dụng nêu trên với tổng số tiền tính đến ngày **18/5/2022 là: 4.053.570.492 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 2.999.400.000 đồng, nợ lãi trong hạn 61.709.901 đồng, lãi quá hạn 992.460.591 đồng và lãi** phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Theo các Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký, bị đơn ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi. Việc tính lãi, điều chỉnh lãi, chuyển nợ quá hạn nguyên đơn đã thực hiện đúng theo hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở và được chấp nhận

[4] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, khi bị đơn ông S không trả được nợ. Để bảo đảm cho khoản vay nói trên, ông S và bà T đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2019/12442943/HĐBĐ ngày 22/5/2019. Hợp đồng thế chấp được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Xét thấy hợp đồng thế chấp được ký kết trên cơ sở tự nguyện về nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn có cơ sở và được chấp nhận.

[5] Từ khi thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng theo trình tự giải quyết vụ án dân sự, nhưng bị đơn ông S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T không đến Tòa để trình bày ý kiến, điều này thể hiện ông S, bà T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ được chấp nhận, ông S phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 112.053.570 đồng. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp ông S phải chịu 13.300.000 đồng. Số tiền này nguyên đơn đã nộp nên ông S phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 13.300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 274, Điều 280, Điều 292, Điều 295, Điều 298, Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 321; Điều 323; Điều 385; Điều 397; Điều 401; Điều 463 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 91; Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14** quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Đ.

- **Về số tiền nợ:** Buộc ông Nguyễn Trường S phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng đã ký, tính đến ngày **18/5/2022 là: 4.053.570.492 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 2.999.400.000 đồng, nợ lãi trong hạn 61.709.901 đồng, lãi quá hạn 992.460.591 đồng.**

- **Về xử lý tài sản thế chấp:** Trường hợp ông Nguyễn Trường S không trả được hết số nợ trên, thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2019/12442943/HĐBĐ ngày 22/5/2019 được ký giữa Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Nam Gia Lai với ông Nguyễn Trường S và bà Võ Thị Hồng T.

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 204 (số 60C cũ), tờ bản đồ 19 (cũ 21), diện tích 741,3m², (đất ở 80m², đất nông nghiệp 661,3m²), tại tổ 3, phường Thắng Lợi, thành phố Pleiku, tỉnh Gia, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 907529 do Ủy ban Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai cấp ngày 25/3/2005.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc ông Nguyễn Trường S phải chịu 112.053.570 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 54.066.366 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0001070 ngày 23 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku.

- **Về chi phí tố tụng khác:**

+ Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Trường S phải chịu 13.300.000 đồng, số tiền này nguyên đơn đã nộp đủ nên ông Nguyễn Trường S phải trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền là 13.300.000 đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.Pleiku;
- Chi cục THADS Tp.Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký
Trần Thị Hồng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.Pleiku;
- Chi cục THADS Tp.Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa